

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 24/8/2023

V/v “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Minh
- Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐST-HN, ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐ-HPT ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1997
Địa chỉ: khu phố H, thị trấn C, huyện T1, Bình Thuận; Có mặt
- Bị đơn: Ông Trần Công P, sinh năm 1992
Địa chỉ: khu phố Hải Tân 3, thị trấn C, huyện T1, Bình Thuận; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02 tháng 3 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T trình bày: Bà và ông Trần Công P, xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã P1 nay là thị trấn C.

Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông Trần Công P sống hạnh phúc một thời gian dài nhưng sau khi sinh con thì sống không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có sinh tật ăn nhậu, cờ bạc, đánh đập hăm dọa giết chết vợ, không cấp tiền nuôi con, bên gia đình ông P nghi ngờ bà ngoại tình dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, nếu cứ tiếp tục chung sống thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: 01 đứa. Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 04/5/2019, bà yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Bà không đồng ý

giao con cho ông P nuôi dưỡng, do ông P thường xuyên say sấn, đi làm ăn xa nên việc nuôi sẽ không đảm bảo, mong tòa xem xét giao con cho bà nuôi, vì con còn nhỏ và là con gái nên cần phải sự chăm sóc của mẹ.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Công P trình bày tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31/5/2023: Ông thống nhất mối quan hệ hôn nhân như bà Nguyễn Thị Mai T trình bày. Trong quá trình sống chung thì giữa ông và bà T sống vẫn hạnh phúc bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Chỉ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ly thân nhau, rồi bà T tự ý bỏ con về quê cha mẹ bà ở luôn đến giờ, cách đây khoảng 02 năm. Nay bà T xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: 01 đứa, Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 04/5/2019, hiện ở với bà T. Nếu ly hôn, ông yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Vì ông thấy việc nuôi con thì ông có khả năng hơn bà T về vật chất cũng như về tinh thần, và lại ông có nghe bà T đã có người khác nếu giao cho bà T nuôi con thì không đảm bảo cuộc sống của con sau này.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai T

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với ông Trần Công P

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mai T nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 04/5/2019 đến khi trưởng thành.

Bà T không yêu cầu ông Trần Công P cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi làm việc với bị đơn ông Trần Công P Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập cho ông P để tham gia phiên họp và hòa giải nhưng ông P

không đến. Vì vậy, Tòa đã tiến hành lập biên bản ông P đã nhận giấy triệu tập nhưng cố tình không tới đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mai T và ông Trần Công P được xác lập quan hệ vợ chồng là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1 nay là thị trấn C, huyện T1, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà T xác nhận giữa bà và ông Trần Công P sống hạnh phúc một thời gian dài nhưng sau khi sinh con thì sống không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có sinh tật ăn nhậu, cờ bạc, đánh đập hăm dọa giết chết vợ, không cấp tiền nuôi con, bên gia đình ông P nghi ngờ bà ngoại tình dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, nếu cứ tiếp tục chung sống thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn cũng vì lý do đó, bà và ông Trần Công P đã ly thân nhau. Ông P xác nhận quá trình sống chung thì giữa ông và bà T sống vẫn hạnh phúc bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì. Chỉ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ly thân nhau, rồi bà T tự ý bỏ con về quê cha mẹ bà ở luôn đến giờ, cách đây khoảng 02 năm. Nay bà T xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông P đồng ý. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P có mâu thuẫn thực sự và đã ly thân nhau một thời gian dài nên cả hai xác nhận không còn tình cảm với nhau nữa nên đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống chung giữa bà T và ông P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do ông P vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai T đối với ông Trần Công P.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai T yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì bà cho rằng con còn nhỏ và là con gái nên cần phải sự chăm sóc của mẹ, ông P đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà nên không đảm bảo lo cho con. Ông P yêu cầu nuôi con chung. Vì ông cho rằng việc nuôi con thì ông có khả năng hơn bà T về vật chất cũng như về tinh thần, vả lại ông có nghe bà T đã có người khác nếu giao cho bà T nuôi con thì không đảm bảo cuộc sống của con sau này. Xét thấy, việc nuôi con thì cha hoặc mẹ ai nuôi cũng được nhưng xét điều kiện hoàn cảnh thì thấy rằng con hiện còn nhỏ và là con gái nên giao cho mẹ nuôi là phù hợp hơn, mặc dù ông P cho rằng ông có điều kiện hơn bà T về kinh tế và bà T sống với người đàn ông khác nhưng không chứng cứ chứng minh. Hơn nữa việc gần gũi con cái lúc con còn nhỏ thì người mẹ là tốt hơn, tại phiên tòa bà T cam đoan sẽ lo cho đứa con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, vì vậy nên tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Mai T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Công P.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Mai T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai T đối với ông Trần Công P

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với ông Trần Công P

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mai T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 04/5/2019 đến khi trưởng thành.

Bà T không được ngăn cản ông P trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Mai T phải nộp **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trừ vào số tiền bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017015 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1. Bà T đã nộp đủ án phí.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2023), đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND xã (thị trấn);
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy